

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại trình số 405/TTr-SNNPTNT ngày 07/8/2019 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

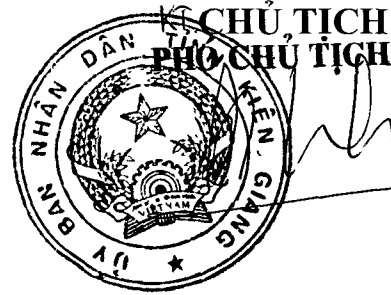
Quyết định này thay thế và bãi bỏ tất cả các thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y; sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (xem chi tiết file danh mục thủ tục hành chính công bố đính kèm).

Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://botthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để niêm yết công khai và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
Cổng Dịch vụ công tỉnh, Website Kiên Giang;
- LĐVP, các đơn vị: TTPVHCC; P KTCN,
- Lưu: VT, vvtu.



Mai Anh Nhị



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
1	BNN-288090	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	+ 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; + 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	50.000 đồng/CCHN	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
2	BNN-288315	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	50.000 đồng/CCHN	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
		đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)				một số điều của Thông tư số 285/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
3	BNN- 288099	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	230.000 đồng/lần (cơ sở buôn bán).	-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; -Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
4	BNN- 288101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	Không quy định	-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
						định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
5	BNN-288103	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	900.000 đồng/giấy	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
6	BNN-288317	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
7	BNN-288304	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
8	BNN-288111	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
						Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
9	BNN-288113	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	+ 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. + 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
10	BNN-288124	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	+ 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng + 17 ngày: đối với trường hợp còn lại	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
11	BNN-288125	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	Không	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
12	BNN-288126	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
		với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận			+ Phí: 300.000 đồng/lần	Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
13	BNN- 288127	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
						trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
14	BNN-288128	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	+ Lệ phí: 0 đồng + Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
15	BNN-288129	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	+ Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành	- Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số	- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
			<p>bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p> <p>+ Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được</p>	<p>thú y cấp tỉnh được ủy quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).</p>	<p>285/2016/TT-BTC; - Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>	<p>điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
			<p>công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>- 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>- 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch</p>			
16	BNN-288130	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại Khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành	- Mục III, Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Thú y:						
			<p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch</p>	<p>thú y cấp tỉnh được ủy quyền</p>	<p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> <p>- Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>	<p>trong công nghiệm thuốc dùng cho động vật</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
II. Lĩnh vực trồng trọt:						
1	BNN- 288189	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	45 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	Thông tư 250/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	BNN- 288190	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	30 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định	Thông tư 250/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực chăn nuôi:			
1	B-BNN- 287857-TT	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương.
2	B-BNN- 287858-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;
3	B-BNN- 287856-TT	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

